**BÀI TẬP Ý NGHĨA BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC**

1. Nguyên tố A có Z = 18, vị trí của A trong bảng tuần hoàn là

**A.** chu kì 3, nhóm VIB **B.** chu kì 3, nhóm VIIIA

**C.** chu kì 3, nhóm VIA **D.** chu kì 3, nhóm VIIIB

1. Số thứ tự ô nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn bằng

**A.**Số hiệu nguyên tử. **B.** Số khối.

**C.** Số nơtron. **D.** Số electron hóa trị

1. Số electron hóa trị trong nguyên tử clo (Z = 17) là

**A.** 5 **B.** 7 **C.** 3 **D.** 1

1. Cho biết số hiệu nguyên tử của các nguyên tố X và Y lần lượt là ZX = 13, ZY = 17. Phát biểu nào sau đây là đúng

**A.** A và Y đều là nguyên tố kim loại.

**B.** X và Y đều là nguyên tố phi kim.

**C.** X là nguyên tố kim loại, Y là nguyên tố phi kim.

**D.** X là nguyên tố phi kim, Y là nguyên tố kim loại.

1. Điện tích hạt nhân của nguyên tử là X (Z = 6); Y (Z = 7); M (Z = 10); Q (Z = 19). Nhận định nào sau đây là đúng?

**A.** X, Y là phi kim; M, Q là kim loại **B.** X, Y là phi kim; M là khí hiếm, Q là kim loại

**C.** X, Y, Q là phi kim; M là kim loại **D.** X là phi kim, Y là khí hiếm; M, Q là kim loại

1. Nguyên tố hóa học X thuộc chu kì 3, nhóm VA. Cấu hình electron của nguyên tử X là

**A.** 1s2 2s22p63s23p5. **B.** 1s2 2s22p63s23p4.

**C.** 1s2 2s22p63s23p2. **D.** 1s2 2s22p63s23p3.

1. Nguyên tố nào trong số các nguyên tố sau đây có công thức oxit cao nhất ứng với công thức R2O3?

**A.** Mg. **B.** Al. **C.** Si. **D.** P

1. Công thức oxit cao nhất của nguyên tố R là

**A.** R2O. **B.** R2O3. **C.** R2O5 **D.** R2O7

1. Oxit cao nhất của R có dạng R2On, hợp chất khí với hidro có dạng

**A.** RHn. **B.** RH2n. **C.** RH8-n. **D.** RH8-2n.

1. Nguyên tử của nguyên tố R có cấu hình electron là 1s22s22p63s23p4. R có công thức oxit cao nhất:

**A.** RO3 **B.** R2O3 **C.** RO2 **D.** R2O

1. Nguyên tố X có công thức oxit cao nhất với oxi là X2O5. Vậy công thức của X với hiđro là

**A.** XH3. **B.** XH4 **C.** XH. **D.** XH5.

1. Nguyên tố R có công thức oxit cao nhất là RO2. Công thức của hợp chất khí với hiđro là

**A.** RH3 **B.** RH4 **C.** H2R **D.** HR

1. Một nguyên tố R có cấu hình electron là 1s22s22p3 thì công thức hợp chất với hiđro và oxit cao nhất là

**A.** RH3, R2O5. **B.** RH5, R2O5. **C.** RH4, RO2. **D.** RH3, R2O3

1. Nguyên tố R trong hợp chất với hiđro có dạng RH2 thì công thức oxit cao nhất của R là

**A.** RO3. **B.** R2O3. **C.** RO. **D.** RO2.

1. Tính phi kim của các halogen giảm dần theo thứ tự

**A.** F, I, Cl, Br **B.** F, Br,Cl, I **C.** I, Br, Cl, F **D.** F, Cl, Br, I

1. Sự biến thiên tính bazơ của các hiđroxit của các nguyên tố nhóm IA theo chiều tăng của số thứ tự là

**A.** không thay đổi. **B.** tăng dần **C.** giảm dần **D.** không xác định.

1. So sánh tính kim loại của 11Na, 12Mg, 13Al

**A.** Mg > Al > Na. **B.** Mg > Na > Al **C.** Al > Mg > Na **D.** Na > Mg > Al.

1. Cho 3 nguyên tố: X( Z = 11), Y( Z = 12), T( Z = 19) có hiđroxit tương ứng là X1, Y1, T1. Chiều giảm tính bazơ các hiđroxit này lần lượt là

**A.** T1, Y1, X1. **B.** T1, X1, Y1. **C.** X1, Y1, T1. **D.** Y1, X1, T1.

1. Cho các nguyên tố 4Be, 11Na, 12Mg, 19K. Tính bazơ của các hiđroxit được xếp theo thứ tự:

**A.** Be(OH)2 > Mg(OH)2> KOH > NaOH. **B.** KOH< NaOH< Mg(OH)2< Be(OH)2.

**C.** Be(OH)2 < Mg(OH)2< NaOH < KOH. **D.** Mg(OH)2 < Be(OH)2 < NaOH <KOH.

1. Bán kính nguyên tử của các nguyên tố: 3Li, 8O, 9F, 11Na được xếp theo chiều tăng dần từ trái sang phải là

**A.** F, O, Li, Na. **B.** Li, Na, O, F. **C.** F, Na, O, Li. **D.** F, Li, O, Na.

1. Bán kính của các nguyên tử 12Mg, 19K và 17Cl giảm theo thứ tự là

**A.** Mg>K>Cl **B.** Cl>K>Mg **C.** K>Cl>Mg **D.** K>Mg>Cl

1. Cho các nguyên tố A, B, C, D có số hiệu nguyên tử lần lượt là 12, 19, 11, 13. Các nguyên tố được sắp xếp thứ tự tính kim loại tăng dần là

**A.** D, A, C, B **B.** D, C, A, B **C.** B, C, A, D **D.** B, D, A, C

1. Độ âm điện của các nguyên tố: Na, Mg, Al, Si. Xếp theo chiều tăng dần là

**A.** Na < Mg < Al < Si **B.** Si < Al < Mg < Na **C.** Si < Mg < Al < Na **D.** Al < Na < Si < Mg

1. Các nguyên tố: nitơ, silic, oxi, photpho; tính phi kim của các nguyên tố trên tăng dần theo thứ tự nào sau đây?

**A.** Si < N < P < O **B.** P < N < Si < O **C.** Si < P < N < O **D.** O < N < P < Si

1. Cho các nguyên tố: K (Z = 19), N (Z = 7), Si (Z = 14), Mg (Z = 12). Dãy gồm các nguyên tố được sắp xếp theo chiều giảm dần bán kính nguyên tử từ trái sang phải là

**A.** N, Si, Mg, K. **B.** K, Mg, Si, N. **C.** K, Mg, N, Si. **D.** Mg, K, Si, N.